



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05021/2025/PKQ



Khách hàng : CÔNG TY TNHH UN-AVAILABLE
Địa chỉ : Một phần lô I/3 Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Một phần lô I/3 Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.1560
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 26/06/2025 Thời gian thử nghiệm : 26/06/2025 - 15/07/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				KT2	Cột B	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	960	-	-
2	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	500	-
3	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,14)	1.000	-
4	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,188)	850	-
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	29	200	-
6	Cyclohexane	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,05)	-	1.300
7	Methyl Ethyl Ketone (MEK)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	-	-
8	Toluene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)	-	750
9	Acetone	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	-	-

- Vị trí lấy mẫu:

- KT2: Ống khói máy sấy gas.

Tọa độ: X= 1197273, Y= 0592215

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04999/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH UN-AVAILABLE
Địa chỉ : Một phần lô I/3 Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Một phần lô I/3 Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.1536
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 25/06/2025 Thời gian thử nghiệm : 25/06/2025 - 15/07/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Vĩnh Lộc
				NT2	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,4	5 ÷ 9
2	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	Pt/Co	443	200
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	224	200
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	120	100
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	253	400
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	4,22	15
7	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	27	60
8	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	1,08	8
9	Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	0,9	-

- Vị trí lấy mẫu:

- NT2: Nước thải sản xuất đầu vào.

Tọa độ: X= 1197219, Y= 0592152

- Tiêu chuẩn KCN Vĩnh Lộc:

-(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05000/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH UN-AVAILABLE
Địa chỉ : Một phần lô I/3 Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Một phần lô I/3 Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.1536
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 25/06/2025 Thời gian thử nghiệm : 25/06/2025 - 15/07/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Vĩnh Lộc
				NT3	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,7	5 ÷ 9
2	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	Pt/Co	29	200
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	15	200
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	13	100
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	25	400
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,47	15
7	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	12	60
8	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	KPH (MDL=0,02)	8
9	Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	KPH (MDL=0,1)	-

- Vị trí lấy mẫu:

- NT3: Nước thải sản xuất đầu ra.

Tọa độ: X= 1197212, Y= 0592196

- Tiêu chuẩn KCN Vĩnh Lộc:

-(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04997/2025/PKQ



Khách hàng : CÔNG TY TNHH UN-AVAILABLE
Địa chỉ : Một phần lô I/3 Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Một phần lô I/3 Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.1536
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 25/06/2025 **Thời gian thử nghiệm** : 25/06/2025 - 15/07/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				KT1	Cột B	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	3.720	-	-
2	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	500	-
3	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,14)	1.000	-
4	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,188)	850	-
5	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	10	200	-
6	Cyclohexane	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,05)	-	1.300
7	Methyl Ethyl Ketone (MEK)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	-	-
8	Toluene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)	-	750
9	Acetone	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)	-	-

- **Vị trí lấy mẫu:**

- **KT1:** Ống khói phòng pha hóa chất.

Tọa độ: X= 1197283, Y= 0592231

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- **QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội

Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Ngọc



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Số 52, đường số 6, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04996/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH UN-AVAILABLE
Địa chỉ : Một phần lô I/3 Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Một phần lô I/3 Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.1536
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Thời gian lấy mẫu : 25/06/2025 Thời gian thử nghiệm : 25/06/2025 - 15/07/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dB _A	56,8	70 ⁽¹⁾
2	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	66	350
3	CO	CEC.PT.KK-05	µg/Nm ³	5.607	30.000
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	54	200
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	82	300

- Vị trí lấy mẫu:

- KK: Mẫu KK xung quanh.

Tọa độ: X= 1197373, Y= 0592199

- QCVN 05:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- ⁽¹⁾QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 26/02/2025